TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 90/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 5 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Vượng.
2. Ông Hà Trọng Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thúy Nguyên – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 295/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị N; cư trú tại số 105, đường T, khóm N, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Ngô Thành Nh; cư trú tại số 78/36, đường T, khóm N, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Huỳnh Thị N và anh Ngô Thành Nh chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức cưới gả theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, chị N khai nhận giữa chị và anh Nh xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh Nh không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình, mà còn dùng những lời lẽ hăm dọa, xúc phạm đến chị nên vợ chồng thường hay cự cải với nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, hiện chị và anh Nh đã sống ly thân từ hơn 01 năm nay, cuộc sống nạnh ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nh.

Về con chung, chị N khai có 01 người con chung là Ngô Thành Trung, sinh ngày 08/4/2007. Hiện con đang chung sống với chị N nên khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con và không đặt ra yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, chị N khai không có.

Đối với anh Ngô Thành Nh, trong thời gian giải quyết vụ án tuy đã được Toà án triệu tập hợp lệ, song anh Nh vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân, chị N và anh Nh chung sống với nhau vào năm 2006 đến nay tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Mặc dù, anh Nh không đến Tòa cũng không gửi ý kiến bằng văn bản đến Tòa để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng do hôn nhân giữa anh, chị có vi phạm về mặt hình thức nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Nh không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung là Ngô Thành Trung, sinh ngày 08/4/2007. Hiện con đang chung sống với chị N nên khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, trong thời gian giải quyết vụ án anh Nh đã được triệu tập hợp lệ và biết được nội dung yêu cầu của chị N nhưng anh không đến Toà cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N. Cho nên, chưa có căn cứ để xác định việc giao con cho anh Nh trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Hơn nữa, cháu Trung cũng có nguyện vọng được chung sống với chị N. Do đó, yêu cầu của chị N về con được chấp nhận.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, tuy Toà án có giải thích cho chị N biết việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con về ăn, mặc, ở, học, khám chữa bệnh và các nhu cầu thiết yếu khác nhưng chị N cho rằng có đủ điều kiện, khả năng để nuôi dưỡng con nên không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con – Đây là ý chí tự nguyện của chị N nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung, chị N khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về thủ tục tố tụng, anh Ngô Thành Nh đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nh.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14 và Điều 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân, tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị N và anh Ngô Thành Nh.

- Về con chung là Ngô Thành Trung, sinh ngày 08/4/2007. Hiện con đang chung sống với chị N, tiếp tục giao cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nh có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Huỳnh Thị N khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Huỳnh Thị N phải chịu số tiền 300.000đ. Ngày 22/02/2019, chị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0002101 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.